



Số: 02021/NQ-ĐHĐCĐ

Tây Ninh, ngày tháng năm 2021

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2020-2021

(V/v Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thực thi (“**Luật Doanh Nghiệp**” hoặc “**LDN**”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thực thi (“**Luật Chứng Khoán**” hoặc “**LCK**”);
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**NĐ 155**”);
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**Thông tư 116**”);
- Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116 (“**Điều lệ mẫu**”);
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2020-2021 số ...../2021/BB - ĐHĐCĐ/TTCBH ngày .../.../.... của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa,

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua việc sửa đổi Điều Lệ, nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty có trách nhiệm triển khai, giám sát và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỌA**

**Nơi nhận:**

*-HDQT, BTGD;*

*-Lưu TLTK.*

**HUỲNH BÍCH NGỌC**

**PHỤ LỤC BẢNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**  
**(ĐÍNH KÈM NGHỊ QUYẾT SỐ /2021/NQ-ĐHĐCĐ CỦA**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2020 – 2021)**

39C  
C  
C  
ÀNH  
-BI  
CH

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội Dung Trước sửa đổi, bổ sung	Nội Dung Sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Lý do sửa đổi, bổ sung
<b>Điều 1 - Định Nghĩa</b>					
1.	Điều 1.1(a)	"Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này	"Vốn điều lệ" là <b>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty</b> và theo quy định tại 0 của Điều lệ này.	Điều 4.34 LDN Điều 1.1(a) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
2.		[Không có]	"Cổ phần có quyền biểu quyết" là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 4.33 LDN Điều 1.1(b) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
3.	Điều 1.1(b)	Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020	LDN 2020	Cập nhật LDN 2020
4.		[Không có]	"Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	LCK 2019	Cập nhật LCK 2019

5.	Điều 1.1(d)	"Người điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng của Công ty	a. "Người điều hành " là người điều hành của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng của Công ty.	Điều 3.55 NB 155	Điều chỉnh từ ngữ
6.	Điều 1.1(c)	"Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu	"Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương lần đầu	Điều 1.1(e) Điều lệ mẫu	Để phù hợp Điều lệ mẫu
7.		[Không có]	"Người quản lý" là người quản lý của Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.	Điều 4.24 LDN Điều 1.1(h) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
8.	Điều 1.1(e)	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Điều 4.46 Luật Chứng khoán Điều 1.1(i) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
9.		[Không có]	"Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty	Điều 4.3 LDN Điều 1.1(k) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
10.		[Không có]	"Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán	Điều 4.18 LCK Điều 1.1(m) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu

11.		[Không có]	“Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Điều 3.33 NĐ 155 Điều 1.1(o) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
12.		[Không có]	“Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.	Điều 4.16 LDN	Để phù hợp quy định pháp luật
<b>SD/BS Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty</b>					
13.	Điều 2.3	Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh - Điện thoại: (84.66) 839804 - Fax: (84.66) 839834 - E-mail: sbttinh@hcm.vnn.vn - Website: www.bourbontn.com.vn	Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh - Điện thoại: (84.276) 839804 - Fax: (84.276) 839834 - E-mail: info@ttcsugar.com.vn - Website: ttcsugar.com.vn		Cập nhật thông tin liên lạc mới của Công Ty.
14.	Điều 2.4	Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.	Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tùy theo nhu cầu hoạt động, Công ty có thể có hơn 01 (một) người đại diện theo pháp luật, số lượng và chức danh cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm áp dụng. Mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là	Điều 12.2 LDN	Pháp luật cho phép Công ty có nhiều NĐDTPL và Điều lệ quy định số lượng, chức danh người đại diện theo pháp luật.

			đại diện đủ thẩm quyền của Công ty trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho Công ty theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.		Tạo sự linh động trong quá trình ký kết các hồ sơ của Công ty.
15.	Điều 2.6	Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49.2 và Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 07 năm 1995	<b>Thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn. Công ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</b>	Điều 2.5 Điều lệ mẫu	LDN không có quy định giới hạn thời hạn hoạt động của doanh nghiệp. Việc sửa đổi thời hạn hoạt động thành vô hạn để phù hợp thực tế hoạt động và đảm bảo sự chủ động trong quá trình hoạt động của Công ty.
<b>Điều 3 - Mục tiêu hoạt động</b>					
16.	Điều 3		Giữ nguyên nội dung, chỉ thay thế thuật ngữ “lĩnh vực” thành “ngành, nghề”		Để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

<b>Điều 5 - Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>					
17.	Điều 5.2	Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11.	Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông và <b>cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi</b> . Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ loại cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, <b>Điều 12 Điều lệ này</b> .		Đề phù hợp thực tế
18.	Điều 5.5	Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	Điều 36 LCK Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC Điều 6.6 Điều lệ mẫu	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu do cổ phiếu mua lại không được xem là cổ phiếu quỹ nữa.
19.	Điều 5.6	Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	Điều 6.7 Điều lệ mẫu Điều 111.3 LDN	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
<b>Điều 6 - Chứng chỉ cổ phiếu</b>					



20.	Điều 6.1	Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6	Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu	Điều 7.1 Điều lệ mẫu	Đề phù hợp Điều lệ mẫu
21.	Điều 6.2	Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần	<b>Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp</b>	Điều 121.1 LDN Điều 7.2 Điều lệ mẫu	Đề phù hợp quy định pháp luật.
22.	Điều 6.3	Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì	Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty <b>hoặc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty</b> , người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Điều 7.3 Điều lệ mẫu	Đề phù hợp với Điều lệ mẫu.

23.	Điều 6.5	Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty	<b>Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</b> <b>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</b> <b>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</b>	Điều 121.3 LDN Điều 7.3 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
24.	Điều 6.7	Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này	[bỏ khoản này]	Bỏ theo Điều lệ mẫu	Để phù hợp với Điều lệ mẫu, đồng thời nội dung này cũng không còn phù hợp thực tế.
<b>Điều 7 - Chứng chỉ chứng khoán khác</b>					

25.	Điều 7	<b>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</b> Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	<b>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</b> Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của <b>Người</b> đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.		Điều chỉnh từ ngữ
<b>Điều 8 - Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</b>					
26.	Điều 8.1	Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.	Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, <b>đăng ký giao dịch</b> trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều 9.1 Điều lệ mẫu	Để phù hợp Điều lệ mẫu
<b>Điều 9 - Thu hồi cổ phần</b>					
27.	Điều 9.1	Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó	Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <b>và chịu trách nhiệm tương</b>	Điều 113.4 LDN Điều 10.1 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định	<b>ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ trước ngày công ty đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định pháp luật.</b>		
28.	Điều 9.5	Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó	Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <b>chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh</b> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị này vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	Điều 10.5 Điều lệ mẫu	Để phù hợp Điều lệ mẫu.
<b>Điều 10 - Cơ cấu tổ chức quản lý</b>					
29.	Điều 10	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc.	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;	Điều 137.1(b) LDN; Điều 11 Điều lệ mẫu;	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

			c. Tổng giám đốc.		
<b>Điều 11 - Quyền của cổ đông</b>					
30.	Điều 11.2	Người <b>nắm giữ</b> cổ phần phổ thông có các quyền sau:	Người <b>sở hữu</b> cổ phần phổ thông có các quyền sau:		Điều chỉnh từ ngữ
		a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết	a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.		
		b. Nhận cổ tức	b. Nhận cổ tức với mức cổ tức theo <b>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>	Điều 115.1(b) LDN Điều 12.1(b) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật.
		c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần <b>đã được thanh toán đầy đủ</b> của mình theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành	Điều 115.1(d) LDN	Điều chỉnh câu từ để phù hợp thực tế và quy định pháp luật.
d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu	d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ <b>sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty</b>	Điều 115.1(c) LDN; Điều 12.1(c) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.		



	e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác	e. <b>Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình</b>	Điều 115.1(đ) LDN; Điều 12.1(đ) Điều lệ mẫu	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
	f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 115.1(e) LDN; Điều 12.1(e) Điều lệ mẫu	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
	g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;	g. Trường hợp Công ty giải thể <b>hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty</b>	Điều 115.1(g) LDN; Điều 12.1(g) Điều lệ mẫu	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong theo quy định pháp luật.		Điều chỉnh dẫn chiếu cho phù hợp.
		i. <b>Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với</b>	Điều 41.1b LCK Điều 271.2 NB 155 Điều 12.1(i) Điều lệ mẫu	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu

			<b>các loại cổ phần ưu đãi phải được quy định tại Điều lệ Công ty.</b>		
		[Không có]	j. <b>Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật</b>	Điều 41.1b LCK Điều 12.1(k) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
		[Không có]	k. <b>Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp</b>	Điều 41.1c LCK Điều 12.1(l) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
		i. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp	l. <b>Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</b>	Điều 12.1(m) Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
31.	Điều 11.3	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2; b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền	<b>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:</b> a. <b>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi thuộc một trong các trường hợp sau đây. Việc triệu tập được thực hiện theo Điều 17 Điều lệ này :</b> <b>(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc</b>	Điều 115.2 ; 115.3 LDN; Điều 12.2 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		<p>tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty</p>	<p>ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>(ii) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.</p> <p>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả</p>		
--	--	--	--	--	--



			<p>nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội;</p> <p>e. Các quyền khác được theo quy định pháp luật và Điều lệ này.</p>		
32.	Điều 11.4	[Không có]	<p>Ngoài các quyền được quy định tại khoản 3 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 24 Điều lệ này.</p>	Điều 115.5 LDN; Điều 12.3 Điều lệ mẫu	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
<b>SĐ/BS Điều 12 - Nghĩa vụ cổ đông</b>					
33.	Điều 12.1	<p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</p>	<p>Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:</p> <p>Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành</p>	Điều 119.3, 4 LDN; Điều 13.3 Điều lệ mẫu;	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

			quyết định/ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị		
34.	Điều 12.6	6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.	6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ <b>rủi ro</b> tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.	Điều 13.7, 13.8 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
35.	Điều 12.7	[Không có]	Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác	Điều 119.5 LDN; Điều 13.5 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
<b>SĐ/BS Điều 13 - Đại hội đồng cổ đông</b>					
36.	Điều 13.1	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp	Đại hội đồng cổ đông <b>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.</b> Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và	Điều 139.1,2 LDN; Điều 14.1 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp gia hạn theo quy định của pháp luật	trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</b>		
37.	Điều 13.2	Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. <b>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán, từ chối, trái ngược, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực</b>	Điều 14.2 Điều lệ mẫu; Điều 273.4 NB 155/2020	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu

			hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty		
38.	Điều 13.3	Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Điều 140.1 LDN; Điều 14.3 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
	a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty	a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty			
	<b>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc sáu (6) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ</b>	[bỏ khoản này]			
	c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ	b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định			
	d. Khi số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật	c. Khi số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật			

		e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập <b>họp</b> Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có <b>đủ</b> chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan		
		f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật	e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật		
39.	Điều 13.4a	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <b>Điểm c Khoản 0 Điều này</b>	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <b>Điểm b Khoản 0 Điều này</b>		Điều chỉnh dẫn chiếu phù hợp.
40.	Điều 13.4b	b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <b>Điểm d Khoản 0 Điều này</b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <b>Điểm e Khoản 0 Điều này</b> . Quy định này không áp dụng đối với trường hợp	b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <b>Điểm c Khoản 0 Điều này</b> hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại <b>Điểm d Khoản 0 Điều này</b> . Quy định này không áp dụng đối với		Điều chỉnh dẫn chiếu cho phù hợp.

		thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại <b>khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp</b> , khi đó, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại <b>khoản 3 Điều 151 Luật Doanh nghiệp</b> .	trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện <b>theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</b> , khi đó, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại <b>khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</b> .		
41.	Điều 13.4c	c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Khoản 4a và Khoản 4b Điều 13</b> thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <b>Khoản 0e Điều 13</b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.  Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>điểm a, b, Khoản 4, Điều này</b> thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại <b>Khoản 0 Điều 11 Điều lệ này</b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.  Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.		Điều chỉnh dẫn chiếu cho phù hợp.
42.	Điều 13.4e	[Không có]	Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Điều 140 LDN Điều 14.4d Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu

SĐ/BS Điều 14 - Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông					
43.	Chuyển nội dung tại Điều 14.1 thành 14.2 và Bổ sung Điều 14.1		<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</li> <li>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</li> <li>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</li> <li>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</li> <li>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</li> <li>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</li> <li>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</li> </ul>	Điều 138.2 LDN; Điều 15.1 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu

			<ul style="list-style-type: none"> <li>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</li> <li>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</li> <li>k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị;</li> <li>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</li> <li>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</li> </ul>		
44.	Điều 14.1 (Sẽ điều chỉnh số thứ tự thành Điều 14.2)	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</li> <li>b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</li> <li>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</li> <li>b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</li> <li>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của</li> </ul> </li> </ul>	Điều 139.3 LDN	Để phù hợp quy định pháp luật.



		d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.	Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; <b>d. Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán. Nội dung báo cáo tuân theo quy định pháp luật hiện hành;</b> e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; <b>f. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</b>		
45.	Điều 14.2 (Sẽ điều chỉnh thành Điều 14.3)	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;	Ngoài các vấn đề được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị; <b>c. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán;</b> d. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;	Điều 139.3 LDN Điều 15.2 Điều lệ mẫu	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		<p>d. Phê duyệt Danh sách công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p>	<p>e. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;</p> <p>f. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>i. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>j. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất</p> <p><b>k. Chấp thuận các giao dịch quy định tại điểm khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 Điều lệ này;</b></p> <p><b>l. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị;</b></p> <p>m. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
--	--	---	--	--	--

		<p>n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p. Thông qua định hướng phát triển của công ty.</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p>			
46.	Điều 14.3a (Sẽ điều chỉnh thành Điều 14.4a)	<p>Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	<p>Cổ đông không có quyền biểu quyết trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>		Điều chỉnh dẫn chiếu.
47.		[Không có]	<p>c. Cổ đông có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch theo điểm b, khoản 9 Điều 35 Điều lệ.</p>	Điều 167.4 LDN	Để phù hợp quy định pháp luật

Điều 15 – Các đại diện được ủy quyền					
48.	Điều 15.1	Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện	Các cổ đông có quyền tham dự <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho <b> cá nhân, tổ chức</b> đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể <b>số cổ phần</b> của mỗi người đại diện.	Điều 144.2 LDN Điều 16.1 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
49.	Điều 15.2	2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;  Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.  Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban	Điều 564 BLDS 2015 Điều 144.2 LDN Điều 16.2 Điều lệ mẫu;	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp	đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) và trong văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông phải có nội dung được phép ủy quyền lại hoặc sự kiện, hành vi, văn bản để chứng minh có sự đồng ý của bên ủy quyền về việc ủy quyền lại.		
50.	Điều 15.3	3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	<b>Bãi bỏ</b>	Điều 144.2 LDN Điều 16.2 Điều lệ mẫu;	Việc cổ đông ủy quyền dự họp đã được quy định tại Điều 15.2 nên nội dung này không phù hợp.
51.	Điều 15.4, 15.5	4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;	4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;	Điều 16.2 Điều lệ mẫu	Để phù hợp với đề xuất bãi bỏ Điều 15.3.

		<p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>5. Quy định tại khoản 4 Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu tại khoản 4 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>		
<b>Điều 16 – Thay đổi các quyền</b>					
52.	Điều 16	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p> <p>2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại</p>	<p>1. <b>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p>	Điều 148.6 LDN; Điều 17.1 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

	<p>biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>2. Việc tổ chức cuộc họp để thông qua việc thay đổi như khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, 18, 19, 20 và 21 Điều lệ này.</p>		
--	--	--	--	--

			4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.		
<b>Điều 17 – Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>					
53.	Điều 17.1	Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <b>Điều 13.3 và Điều 13.4.</b>	Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều 13 của <b>Điều lệ này.</b>		Điều chỉnh từ ngữ.
54.	Điều 17.2	Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; b. [không có] c. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;	Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: <b>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá 10 ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu</b>	Điều 140.5, 141.1 LDN; Điều 18.2 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.



		<p>d. [không có]</p> <p>e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp</p> <p>f. [không có]</p>	<p>20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p><b>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</b></p> <p><b>c. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;</b></p> <p>d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;</p> <p><b>e. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội và Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</b></p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p><b>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</b></p>		
55.	Điều 17.3	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông <b>bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</b>, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch</p>	<p>Điều 143 LDN; Điều 18.3 Điều lệ mẫu.</p>	<p>Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.</p>

	<p>phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và tại thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (trong trường hợp xác định được trước các ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>Phiếu biểu quyết;</li> <li><b>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</b></li> <li>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp</li> </ol>	<p>chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <b>chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước</b> ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và tại thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, cụ thể bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (trong trường hợp xác định được trước các ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>Phiếu biểu quyết;</li> <li>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</li> </ol>		
--	---	--	--	--

56.	Điều 17.4	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất <b>3 ngày làm việc</b> trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <b>Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó sở hữu, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</b>	Điều 142.2 LDN; Điều 18.4 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
57.	Điều 17.5	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 0 của Điều 17 trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu đủ ít nhất	Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì <b>chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</b> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 0 của Điều 17 nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	Điều 142.3 LDN Điều 18.5 Điều lệ mẫu;	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		<p><b>10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng;</b></p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất <b>5% tổng số cổ phần phổ thông</b> theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>		
58.	Điều 17.6	6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Bãi bỏ		Nội dung này đã được quy định tại Điều 17.2 Điều lệ này.
59.	Điều 17.7	Chuyển nội dung tại Điều 17.7 sang Điều 20.4 và bổ sung Điều 17.6 như cột liên bên.	<b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc</b>	Điều 142.4 LDN; Điều 18.6 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

			<b>hợp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận</b>		
<b>Điều 18 – Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>					
60.	Điều 18.1	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>trên 50%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều 145.1 LDN; Điều 19.1 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật
61.	Điều 18.2	Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này <b>trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</b> Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này <b>thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</b> Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.	Điều 145.2 LDN Điều 19.2 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
62.	Điều 18.3	Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này <b>trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập lại</b>	Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ	Điều 145.3 LDN Điều 19.3 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu

		trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn	ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.		
63.	Điều 18.4	Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, <b>Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông</b> có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này	<b>Chỉ có Đại hội đồng cổ đông</b> mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.	Điều 145.4 LDN	Để phù hợp quy định pháp luật.
<b>Điều 19 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>					
64.	Điều 19.1	Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết	<b>Trước khi khai mạc cuộc họp</b> , Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết	Điều 146.1 LDN; Điều 20.1 Điều lệ mẫu	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
65.	Điều 19.2	Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông	<b>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả</b>	Điều 146.5 LDN	Để phù hợp quy định pháp luật

		đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ bầu một ban kiểm phiếu với số lượng theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp	<b>kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</b>		
66.	Điều 19.3	<b>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muợn</b> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muợn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng	<b>Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký.</b> Trong trường hợp này, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến muợn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	Điều 20.6 Điều lệ mẫu; Điều 146.6 LDN.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
67.	Điều 19.4	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ	Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng	Điều 146.2 LDN; Điều 20.2 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		<p>tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì một trong các thành viên Hội đồng quản trị có quyền điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp</p>	<p>quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thuộc Ủy ban kiểm toán hoặc một trong các Thành viên hội đồng quản trị điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>		
--	--	--	---	--	--



68.	Điều 19.5	Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp	<b>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</b>	Điều 146.3 LDN. Điều 20.3 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
69.	Điều 19.6	<p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</li> <li>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</li> <li>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</li> </ul> <p>Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự</p>	<p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</li> <li>b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</li> <li>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</li> </ul>	Điều 146.8 LDN. Điều 20.8 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		hợp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó			
70.	Điều 19.7	7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số <b>những thành viên tham dự</b> để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó <b>không bị ảnh hưởng</b> .	7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số <b>những người dự họp</b> để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó <b>đều có hiệu lực thi hành</b> .	Điều 146.9 LDN. Điều 20.9 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
71.	Điều 19.8	8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.	8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và <b>hợp lý</b> để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, <b>đúng theo chương trình đã được thông qua</b> và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;	Điều 146.4 LDN. Điều 20.4 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu
72.	Điều 19.9, 10, 11	9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.	9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:	Điều 146.7 LDN. Điều 20.7 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu

		<p>Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi Đại hội.</p> <p>10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</li> <li>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</li> <li>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</li> </ol>		
--	--	--	---	--	--

		<p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>			
73.	Điều 19.12	<p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội</p>	[Bãi bỏ]		Nội dung này không cần thiết. Riêng vấn đề họp ĐHĐCĐ thường niên đã được quy định

		đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.			tại Điều 13.1 Điều lệ này.
<b>Điều 20 – Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>					
74.	Điều 20.1	<p>Đại hội đồng cổ đông thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền tham dự họp chấp thuận;</p> <p>b. Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền tham dự họp chấp thuận:</p> <p>i. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2, 3 Điều 14 của Điều lệ này, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</li> <li>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</li> <li>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá</li> </ol> </li> </ol>	Điều 148 LDN; Điều 21 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		<p>ii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh</p> <p>iii. Tổ chức lại, giải thể Công ty; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</p> <p>iv. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán;</p>	<p>trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p>		
75.	Điều 20.2 (Điều chỉnh số thứ tự thành 20.4)	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại khoản 2 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện <b>trên 50%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	Điều 148.4 LDN.	Đề phù hợp quy định pháp luật .
76.	Điều 20.6	[Không có] (Chuyển từ Điều 17.7)	<b>Các quyết định Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</b>	Điều 152.2 LDN; Điều 21.3 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp quy định pháp luật.

		Điều 21 – Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông			
77.	Điều 21.2	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình <b>phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng cổ đông</b> chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Điều lệ này và Khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 149 của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này và quy định pháp luật.</p>	<p>Điều 149.2 LDN; Điều 22 Điều lệ mẫu.</p>	<p>Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.</p>
78.	Điều 21.3	<p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh</p>	<p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, <b>số giấy tờ pháp lý</b> của cá nhân đối với cổ đông là cá</p>	<p>Điều 149.3 LDN; Điều 22.3 Điều lệ mẫu.</p>	<p>Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.</p>

		<p>nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty</p>	<p>nhân; tên, mã số doanh nghiệp số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>.</p>		
79.	Điều 21.5	Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các	Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:	Điều 149.4 LDN; Điều 22.4 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.



		<p>phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p>a. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.</p> <p>d. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>		
80.	Điều 21.6	<p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	<p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	Điều 149.5 LDN; Điều 22.5 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu

	<p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <b>người đại diện theo pháp luật của Công ty</b>, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	<p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và <b>phương thức gửi phiếu biểu quyết</b>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. <b>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</b></p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>		
--	---	---	--	--

81.	Điều 21.7	7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty và công bố thông tin theo quy định trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;	Biên bản kiểm phiếu và <b>ng nghị quyết</b> phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty và công bố thông tin theo quy định trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;	Điều 149.5 LDN; Điều 22.5 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
<b>Điều 22 – Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>					
82.	Điều 22.1	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. <b>Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</b> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ	Điều 150.1 LDN.	Để phù hợp quy định pháp luật.

			<p>lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>		
83.	Điều 22.2	<p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;</p>	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký <b>hoặc người</b>	Điều 150.2,3 LDN;	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		<p>b. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp;</p> <p>c. <b>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua.</b></p>	<p><b>khác ký tên trong biên bản họp</b> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp;</p>	<p>Điều 11.1(c) TT96/2020; Điều 23.2 Điều lệ mẫu.</p>	
84.	Điều 22.4	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	[Bãi bỏ]		Nội dung này không cần thiết và không phù hợp vì hiện không có quy định pháp luật liên quan đến việc phản đối về nội dung Biên bản họp ĐHĐCĐ.
85.	Điều 22.5	[không có]	<b>Nghị quyết, Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội</b>	Điều 150.4 LDN; Điều 23.3 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

			<b>dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng</b>		
86.	Điều 22.6	[không có]	<b>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua.</b>	Điều 150.4 LDN; Điều 11.1(c) TT96/2020.	Để phù hợp quy định pháp luật.
<b>Điều 23 – Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>					
87.	Điều 23	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:  1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp;	Trong thời hạn chín mươi ngày, <b>kể từ ngày nhận được nghị quyết</b> hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết <b>hoặc một phần nội dung Nghị quyết</b> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:  1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp <b>và ra quyết định</b> Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp	Điều 151 LDN; Điều 24 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		<p>2. <b>Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết</b> và nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà Nghị quyết được thông qua đã bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</p>	<p>và Điều lệ công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ này;</p> <p>2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>		
<b>Điều 24 – Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>					
88.	Điều 24.1	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <b>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả</b>	Điều 154 LDN; Điều 26.2 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu

			thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.		
89.	Điều 24.2	Các cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu	Các cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ngày gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa năm (05) ứng viên; sở hữu từ 60% trở lên	Điều 115.5 LDN; Điều 25.2 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.



		tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; nắm giữ từ 60% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử đủ số ứng viên.	tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử đủ số ứng viên.		
90.	24.3	Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng <b>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</b>  Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Điều 274.3, Điều 275.1 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;  Điều 25.3 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

91.	(Bổ sung trước Điều 24.4.)	[Chưa có]	<p>Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b. Trình độ chuyên môn;</li> <li>c. Quá trình công tác;</li> <li>d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, chức danh quản lý khác của công ty khác);</li> <li>e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và</li> </ol>	Điều 25 Điều lệ mẫu;	Bổ sung quy định về CBTT thông tin của ứng cử viên thành viên HĐQT đã ứng cử, đề cử thành viên HĐQT để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
-----	----------------------------	-----------	---	----------------------	---

			<b>các bên có liên quan của Công ty;</b> <b>f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định pháp luật;</b>		
92.	Điều 24.4 (Sẽ điều chỉnh số thứ tự thành Điều 24.5)	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</li> <li>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</li> <li>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> </ul>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị <b>Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Các trường hợp miễn nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>i. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp;</li> <li>ii. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</li> </ul> </li> <li>b. Các trường hợp bãi nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>i. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</li> </ul> </li> </ul> <p>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp tại điểm a, điểm b Khoản</p>	Điều 26.4 Điều lệ mẫu; Điều 160 LDN.	Đề phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	này.		
93.	Điều 24.5 (Sẽ điều chỉnh số thứ tự thành Điều 24.6)	5.Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	6.Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của <b>pháp luật về công bố thông tin</b> trên thị trường chứng khoán.	Điều 26.5 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp Điều lệ mẫu.
94.	Điều 24.6 (Sẽ điều chỉnh số thứ tự thành Điều 24.7)	6.Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty	7.Thành viên Hội đồng quản trị <b>có thể không phải là cổ đông của Công ty.</b>	Điều 26.6 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp Điều lệ mẫu.
<b>Điều 25 – Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>					
95.	Điều 25.1	Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.  Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và Người điều hành khác	<b>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</b>	Điều 153.1 LDN; Điều 27 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
		Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		

96.	Điều 25.3	luật pháp, Điều lệ, <b>các quy chế nội bộ của Công ty</b> và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	Điều 153.2 LDN; Điều 27 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
		Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm	a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và <b>kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</b>		
		Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại	b. <b>Kiến nghị loại cổ phần</b> và tổng số <b>cổ phần</b> được quyền chào bán của từng loại;		
		[Không có]	c. <b>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</b>		
		Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi	d. <b>Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</b>		
		[Không có]	e. <b>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</b>		
		[không có]	f. <b>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</b>		
		Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ	g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;		

		<p>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p>	<p>h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p>		
			<p>i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; điểm d, khoản 1; điểm h, k khoản 3 Điều 14; khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 của Điều lệ này.</p>		
		<p>Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, các chế độ khác đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc; Ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó</p>	<p>j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức</p>		

			thù lao và quyền lợi khác của những người đó;		
		[không có]	k. Giám sát, chi đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;		
		Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty	l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;		
		[Không có]	m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;		
		[Không có]	n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;		
		Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức	o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh		
		Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công	p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể		

	ty	Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;		
	Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua	q. Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;		
	Không có	r. Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm nhưng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.		
	[không có]	s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.		
	Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua	[bỏ]		
	Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các	[bỏ]		



		vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó			
		Quyết định việc phát hành trái phiếu, đề xuất các phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước trình Đại hội đồng cổ đông quyết định	[bỏ]		
97.	Điều 25.4	Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập, giải thể chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập, giải thể các công ty con của Công ty; c. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 14 Điều lệ, Khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn; d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty; e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi	[Bãi bỏ]		Các nội dung này đã được quy định rõ trong Điều 25.3 về quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT.

	<p>thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần, trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>l. Các định mức Kinh tế kỹ thuật liên quan</p>			
--	--	--	--	--

		đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty			
98.	Điều 25.5 (sẽ chuyển thành Điều 25.4)	Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản Trị thông qua.	<b>Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động theo điểm c khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này và phải đảm bảo có các nội dung sau:</b> <b>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.</b> <b>b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.</b> <b>c. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</b> <b>d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh</b>	Điều 280 ND 155/2020/NĐ-CP; Điều 27.3 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

			<p>giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>e. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.</p> <p>f. Hoạt động của các ủy ban khác thuộc Hội đồng quản trị.</p> <p>g. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.</p> <p>h. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.</p> <p>i. Các kế hoạch trong tương lai.</p>		
99.	Điều 25.7	Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được	Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng	Điều 28 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp Điều lệ mẫu.

			<b>cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</b>		
100.	Điều 25.8	Tổng số tiền trả thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty	Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Điều 28.3 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp Điều lệ mẫu.
101.	Điều 25.9	Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các <b>tiểu ban</b> của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị	Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các <b>Ủy ban</b> của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị		Điều chỉnh từ ngữ .

102.	Điều 25.10	Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các <b>tiểu ban</b> của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông	Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các <b>Ủy ban</b> của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông		Điều chỉnh từ ngữ.
103.	Điều 25.12	[Không có]	Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty	Điều 28.6 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp Điều lệ mẫu.
<b>Điều 26 – Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>					
104.	Điều 26.1	Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và tùy theo từng thời kỳ, có thể bầu một hoặc nhiều Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc	Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc. <b>Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị</b> hoặc (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn	Điều 156.1,2 LDN.	Để phù hợp quy định pháp luật.

		phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định theo từng thời kỳ.		
105.	Điều 26.2 (chuyển Điều 26.2 thành 26.3)	[không có]	<p><b>Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</b></p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	Điều 156.3 LDN.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
106.	Điều 26.2	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực	Điều 29.5 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp Điều lệ mẫu và

		<p>quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số</p>	<p><b>Hội đồng quản trị</b> hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>		<p>thực tế thực hiện.</p>
107.	Điều 26.3	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông</p>	[Bãi bỏ]		<p>Bỏ nội dung này do đây là nghĩa vụ của HĐQT. Đồng thời pháp luật cũng không quy định nghĩa vụ này cho Chủ tịch HĐQT.</p>



108.	Điều 26.4	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn ba mươi ngày.	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn <b>ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</b>	Điều 29.4 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định Điều lệ mẫu.
<b>Điều 28 – Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>					
109.	Điều 28.1	Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị	Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất <b>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.</b> Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất <b>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</b> và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Điều 157.1 LDN.	Để phù hợp quy định pháp luật.
110.	Điều 28.2	2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần	2. <b>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</b>	Điều 157.2 LDN. Điều 30.2 Điều lệ mẫu.	Họp thường kỳ hay bất thường đều cần có quy định về chủ thể triệu tập, lập chương trình

		thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.			nghị sự nên cần tách thành khoản riêng, không quy định chung trong hợp thường kỳ.
111.	Điều 28.3	<p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm Người quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 <b>thành viên Hội đồng quản trị</b>;</p> <p>d) Có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty để bàn về báo cáo tài chính kiểm toán;</p> <p>e) Khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	Điều 157.3 LDN; Điều 30.3 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
112.	Điều 28.4	<p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3</p>	<p><b>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm</b></p>	Điều 157.4,5 LDN; Điều 30.4,5 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

		Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	<b>quyền của Hội đồng quản trị.</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có <b>quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> triệu tập họp Hội đồng quản trị.		
113.	Bổ sung trước điều Điều 28.5	Không có	<b>5a. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</b> a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải	Điều 157.9 LDN; Điều 30.9 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

			đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;		
114.	Điều 28.6	5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	Chuyển nội dung này vào điểm d khoản 3 Điều 28.		Đây là một trong những trường hợp triệu tập họp HĐQT bất thường nên cần đề trong cùng điều khoản về cuộc họp HĐQT bất thường.
115.	Điều 28.8	8. Thông báo họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất hai ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	8. <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp</b> chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. <b>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị</b>	Điều 157.6 LDN; Điều 30.6 Điều lệ.	Đề phù hợp quy định pháp luật.

			<b>có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</b>		
116.	Điều 28.9(a)	9. Số thành viên tham dự tối thiểu: a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).	9. Số thành viên tham dự tối thiểu: a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.	Điều 157.6 LDN; Điều 30.8 Điều lệ.	Để phù hợp quy định pháp luật.
117.	Điều 28.10(d)	Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 35.7a và Điều 35.7b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó	Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 9 Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó.		Điều chỉnh dẫn chiếu và từ ngữ.
118.	Điều 28.12	12. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định.	12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều 157.12 LDN; Điều 30.12 Điều lệ.	Để phù hợp quy định pháp luật.

119.	Điều 28.13	<p>13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội</p>	[Bãi bỏ]	Điều 41.3c LCK; Điều 157 LDN; Điều 279 NB 155.	Điều khoản này không cần thiết vì các hình thức họp đã được quy định tại Điều 28.5a. Pháp luật và Điều lệ mẫu hiện hành cũng không quy định nội dung này.
------	------------	--	----------	---	---

		<p>đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>			
120.	Điều 28.15	<p>15. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản</p>	<p>15. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản và các nội dung khác theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. <b>Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty theo quy định của pháp luật.</b></p> <p><b>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và</b></p>	<p>Điều 158 LDN; Điều 279.2 NB 155;</p>	<p>Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.</p>

			<b>có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp (trừ nội dung Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực.</b>		
121.	Điều 28.16	Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng	<b>Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên của mỗi Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban.</b> <b>Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</b>	Điều 31 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp Điều lệ mẫu và thực tế quản trị.



122.	Điều 28.17	Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót	Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót		Điều chỉnh từ ngữ.
<b>SĐ/BS Điều 29 – Ủy ban kiểm toán</b>					
123.	Điều 29	<p><b>Điều 29. Tiểu ban kiểm toán</b></p> <p>1. Công ty có Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Tiểu ban kiểm toán là Ban kiểm toán nội bộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp. Cơ cấu, thành phần, các tiêu chuẩn của thành viên Tiểu ban kiểm toán; quyền và nghĩa vụ; cuộc họp của Tiểu ban kiểm toán và chi phí hoạt động được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>2. Các vấn đề khác có liên quan đến tổ chức hoạt động của Tiểu ban kiểm toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định</p>	<p><b>Điều 29. Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. Công ty có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, trong đó có ít nhất 02 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không Điều hành. Cơ cấu, thành phần, các tiêu chuẩn của thành viên Ủy ban kiểm toán; quyền và nghĩa vụ; cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và chi phí hoạt động thực hiện theo quy định</p>	Điều 161 LDN; Điều 282, 283, 284 NB 155; Điều 42, 43, 44, 45, 46 Điều lệ mẫu;	Sửa Tiểu ban thành Ủy ban nhằm phù hợp quy định LDN, LCK. Đồng thời bổ sung yêu cầu UBKT phải có ít nhất 02 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo chuẩn IFC.

			<p>pháp luật và được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban kiểm toán được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>2. Các vấn đề khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ủy ban kiểm toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật.</p>		
<b>Điều 30 - Tổ chức bộ máy quản lý</b>					
124.	Điều 30	<p><b>Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc và một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p><b>Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	Điều 33 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp Điều lệ mẫu.
<b>Điều 31 – Người điều hành công ty</b>					

125.	Bổ sung	Chưa có	3. Tiền lương của người quản lý được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Điều 163.3 LDN; Điều 34 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp quy định pháp luật.
<b>SĐ/BS Điều 32 – Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc</b>					
126.	Điều 32.1	Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty	Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Điều 162.1,2 LDN; Điều 35.1,2 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp quy định pháp luật.
127.	Điều 32.2	Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết	Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Điều 162.2 LDN. Điều 35.3 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp quy định pháp luật.

		hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này			
128.	Điều 32.3	Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	Điều 162.3 LDN; Điều 35.4 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
		a. Quyết định tất cả các vấn đề của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất	<b>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</b>		
		b. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua	<b>b. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</b>		
		c. Vào ngày 31 tháng 05 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm	c. Vào ngày 31 tháng 05 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.		

	<p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty</p>	<p>d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty</p>		
	<p>e. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua</p>	<p>e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty</p>		
	<p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ</p>	<p>f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị</p>		
	<p>g. Kiến nghị số lượng Người điều hành mà Công ty cần thuê hoặc tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành</p>	<p>g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc</p>		
	<p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động</p>	<p>h. Tuyển dụng lao động</p>		

		<p>quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty</p>			
		<p>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật</p>	<p>i. <b>Kiên nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh</b></p>		
			<p>j. <b>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</b></p>		
129.	Điều 32.5	<p>Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể <b>bãi nhiệm</b> Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị <b>dự họp có quyền biểu quyết tán thành</b> và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p> <p>Đối với trường hợp Tổng Giám đốc xin từ chức thì phải có đơn gửi Hội đồng quản trị, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày</p>	<p>Hội đồng quản trị có thể <b>miễn nhiệm</b> Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị <b>có quyền biểu quyết dự họp</b> tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p> <p>Đối với trường hợp Tổng Giám đốc xin từ chức thì phải có đơn gửi Hội đồng quản trị, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày</p>	Điều 35.5 Điều lệ mẫu.	Điều chỉnh câu từ cho rõ nghĩa.

		nhận đơn, Hội đồng quản trị phải có quyết định xử lý vụ việc	nhận đơn, Hội đồng quản trị phải có quyết định xử lý vụ việc.		
<b>Điều 33: Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty</b>					
130.	Điều 33	<p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (hoặc nhiều) Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Thư ký làm nhiệm vụ phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>3. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;</p>	<p>1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	<p>Điều 156.5 LDN ;</p> <p>Điều 281 NĐ 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Điều 32 Điều lệ mẫu.</p>	<p>Đề phù hợp quy định pháp luật.</p>

		<p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p>		
--	--	---	---	--	--



			<ul style="list-style-type: none"> <li>f. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán;</li> <li>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</li> <li>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</li> <li>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</li> <li>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</li> </ul>		
<b>Điều 34- Trách nhiệm cần trọng</b>					
131.	Điều 34	<p><b>Điều 34. Trách nhiệm cần trọng</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các <b>tiểu ban</b> của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng</p>	<p><b>Điều 34. Trách nhiệm cần trọng</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các <b>Ủy ban</b> của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ</p>		Điều chỉnh từ ngữ cho phù hợp.

		mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.		
<b>Điều 35 – Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>					
132.	Điều 35	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</li> <li>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</li> <li>Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</li> <li>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty đại chúng.</li> <li><b>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo</b></li> </ol>	Điều 167 LDN; Điều 291, 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 47 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật.

	<p>4. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</p> <p>5. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>6. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ -</p>	<p>quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho (i) cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân; và (ii) cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</p>		
--	--	--	--	--

	<p>công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, hoặc những tổ chức, cá nhân liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số</p>	<p>7. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>8. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Riêng trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong</p>		
--	---	--	--	--

		<p>phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và</p>	<p>cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, thuộc thẩm quyền thông qua bởi Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>9. Giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng sau (i) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này; Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164</p>		
--	--	---	---	--	--



	<p>những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p><b>Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, đối tượng có liên quan đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc,</p>		
--	--	--	--	--

			người điều hành khác, đối tượng có liên quan đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.		
<b>Điều 36 – Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b>					
133.	Điều 36	<p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền,</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty</p>	Điều 48, Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp Điều lệ mẫu.

	<p>hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận, bằng chứng nào cho rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên</p>		
<p><b>Điều 37 – Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b></p>				



134.		<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài</p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền</p>	<p>Điều 11 LDN; Điều 115.1.d, e LDN; Điều 49 Điều lệ mẫu.</p>	<p>Để phù hợp quy định pháp luật.</p>
------	--	--	---	---	---------------------------------------

	<p>sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	<p>của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>		
--	--	--	--	--

			5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.		
<b>Điều 38 – Công nhân viên và công đoàn</b>					
135.		Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người điều hành và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, <b>cho người lao động nghỉ việc</b> , tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Điều 50 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp với Điều lệ mẫu.
<b>Điều 39 – Cổ tức</b>					
136.	Điều 39.1 – 6	1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi	Điều 135 LDN; Điều 51 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.

	<p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản</p>	<p>trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể <b>kiến nghị</b> Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại</p>		
--	---	--	--	--

		<p>tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p> <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi</p>	<p>Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>		
--	--	---	--	--	--

JO  
ÔN  
Ô  
TH  
Ê  
TU

		là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.			
137.	Điều 39.7	Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác	Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	Điều 51.5 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp với Điều lệ mẫu.
<b>Điều 44 - Chế độ kế toán</b>					
138.	Điều 44	<b>Điều 44. Chế độ kế toán</b> 1 Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc Chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. 2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ	<b>Điều 44. Chế độ kế toán</b> 1 Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận. 2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ	Điều 54 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp với Điều lệ mẫu.

		<p>thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3 Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>		
<b>Điều 45 – Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b>					
139.	Điều 45	<p>Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao</p>	<p><b>Điều 45. Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên</b></p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết</p>	Điều 55, 56 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp với Điều lệ mẫu.

	<p>dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo</p>	<p><b>minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</b></p> <p><b>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</b></p> <p><b>4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</b></p>		
--	--	--	--	--



		<p>cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty và theo quy định pháp luật.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>			
<b>Điều 46 – Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b>					
140.	Điều 46	Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp	<b>[Bãi bỏ]</b>		Nội dung về CBTT BCTC đã được quy định tại Điều 45 Điều lệ.
<b>Điều 47 – Kiểm toán</b>					
141.	Điều 47	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm	Điều 57 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp Điều lệ mẫu.

		<p>cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p>	<p>toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>		
--	--	---	--	--	--

		<p>4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>			
<b>Điều 48 – Dấu của Công ty</b>					
142.	Điều 48	<p><b>Điều 48. Con dấu</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 48. Dấu của Công ty</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu <b>hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</b></p> <p>2. <b>Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 43 LDN; Điều 58 Điều lệ mẫu.</p>	<p>Để phù hợp quy định pháp luật.</p>

<b>Điều 49 – Giải thể công ty</b>					
143.	<b>Điều 49</b>	<p><b>Điều 49. Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</li> <li>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</li> <li>Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</li> </ol> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p><b>Điều 49. Giải thể Công ty</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</li> <li>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</li> <li>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</li> </ol> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	Điều 207 LDN; Điều 59 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ mẫu.
<b>Điều 51 – Gia hạn hoạt động</b>					
144.	<b>Điều 51</b>	1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước	1. <b>Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn theo quy định tại khoản</b>	Điều 148.1đ LDN;	Để phù hợp với Điều lệ mẫu và

		<p>khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động Công ty sẽ được gia hạn thêm khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p><b>6 Điều 2 của Điều lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị tập Đại hội đồng cổ đông để thông qua thời hạn hoạt động mới của Công ty.</b></p> <p>2. Thời hạn hoạt động của Công ty được thay đổi khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành hoặc khi có số cổ đông đại diện từ 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	Điều 60 Điều lệ mẫu.	Thực tế điều chỉnh thời hạn hoạt động của Công ty tại khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này.
<b>Điều 52 – Thanh lý</b>					
145.	Điều 52.3	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p>	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập</p>	Điều 61 Điều lệ mẫu.	Đề phù hợp Điều lệ mẫu.

		<p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p><b>thẻ và hợp đồng lao động đã ký kết;</b></p> <p>c. Nợ thuế;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>		
<b>Điều 53 - Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>					
146.	Điều 53.2	<p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.</p>	<p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra <b>Trọng tài hoặc Tòa án.</b></p>	Điều 62 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp với Điều lệ mẫu.
<b>Điều 55 – Ngày hiệu lực</b>					
147.	Điều 55.2	<p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, <b>trong đó:</b></p> <p><b>a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</b></p>	<p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và <b>phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</b></p>	Điều 64 Điều lệ mẫu.	Để phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ mẫu và

		<b>b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.</b> <b>c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</b>			thực tế thực hiện.
--	--	--	--	--	--------------------

